

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN HOÀNG GIA VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN HOÀNG GIA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM ROYAL REAL ESTATE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VINA RRE.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108210725

**3. Ngày thành lập:** 26/04/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 130A phố Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02438430515

Fax: 02438430515

Email: vietnamroyalrealestate@gmail.com Website: www.vietroyalgroups.com

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Khai thác và thu gom than cứng                                                                                                                                                                                                                                                                       | 0510     |
| 2.  | Khai thác và thu gom than non                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0520     |
| 3.  | Khai thác dầu thô<br>Chi tiết: - Hoạt động khai thác dầu mỏ thô.<br>- Khai thác mỏ bitum, dầu đá phiến hoặc cát hắc ín;<br>- Sản xuất dầu thô từ mỏ bitum dầu đá phiến hoặc cát hắc ín;<br>- Các hoạt động xử lý để có được dầu thô như: gạn, chắt, khử muối, khử nước, làm ổn định, khử tạp chất... | 0610     |
| 4.  | Khai thác quặng sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 0710     |
| 5.  | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt<br>Chi tiết: Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, krôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi.                                                                                                                                        | 0722     |
| 6.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0810     |
| 7.  | Khai thác và thu gom than bùn                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0892     |
| 8.  | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1701     |
| 9.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2220     |
| 10. | Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh                                                                                                                                                                                                                                                          | 2310     |
| 11. | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2391     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | <p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br/>(trừ kinh doanh dược phẩm)<br/>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br/>Bán buôn dụng cụ y tế<br/>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br/>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br/>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br/>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br/>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br/>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao</p>                                                                                                                                               | 4649 |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4653 |
| 14. | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br/>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br/>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br/>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br/>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br/>Bán buôn máy móc, thiết bị y tế<br/>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác.</p> | 4659 |
| 15. | <p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br/>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br/>Bán buôn xi măng<br/>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br/>Bán buôn kính xây dựng<br/>Bán buôn sơn, vécni<br/>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br/>Bán buôn đồ ngũ kim</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4663 |
| 16. | <p>Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br/>Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br/>Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br/>Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br/>Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br/>Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh</p>                                                                                                                                    | 4752 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 18. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, chứng khoán)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6619        |
| 19. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6810(Chính) |
| 20. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản;<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6820        |
| 21. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7320        |
| 22. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8230        |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8299        |
| 24. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1629        |
| 25. | Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2211        |
| 26. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2392        |
| 27. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2394        |
| 28. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2395        |
| 29. | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2396        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 30. | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý<br>(trừ sản xuất vàng)<br>- Sản xuất nhôm từ alumin;<br>- Sản xuất nhôm từ tinh chế điện phân chất thải nhôm và kim loại vụn;<br>- Sản xuất hợp kim nhôm;<br>- Sơ chế nhôm;<br>- Sản xuất hợp kim chì, kẽm, thiếc từ quặng;<br>- Sản xuất chì, kẽm, thiếc từ tinh chế điện phân chất thải chì, kẽm, thiếc và kim loại vụn;<br>- Sản xuất hợp kim chì, kẽm và thiếc;<br>- Sơ chế chì, kẽm và thiếc;<br>- Sản xuất đồng từ quặng;<br>- Sản xuất đồng từ tinh chế điện phân chất thải đồng và kim loại vụn;<br>- Sản xuất hợp kim đồng;<br>- Sản xuất dây cầu chì;<br>- Sơ chế đồng; | 2420 |
| 31. | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2431 |
| 32. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2511 |
| 33. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2512 |
| 34. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2591 |
| 35. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2592 |
| 36. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3100 |
| 37. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3320 |
| 38. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4100 |
| 39. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4210 |
| 40. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4220 |
| 41. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như:<br>+ Các nhà máy lọc dầu,<br>+ Các xưởng hoá chất,<br>- Xây dựng công trình cửa như:<br>+ Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...<br>+ Đập và đê.<br>- Xây dựng đường hầm;<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.                                                                                                                                                                                                 | 4290 |
| 42. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4311 |
| 43. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(không bao gồm nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự bao gồm cả việc cho nổ tại mặt bằng xây dựng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4312 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 44. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4321 |
| 45. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như :<br>+ Thang máy, cầu thang tự động,<br>+ Các loại cửa tự động,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. | 4329 |
| 46. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4322 |

**6. Vốn điều lệ:** 280.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức   | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN HÒA | Số 656 đường Lý Bôn, Phường Đề Thám, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông | 2.800.000  | 28.000.000.000        | 10,000    | 152226637                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                        | Tổng số           | 2.800.000  | 28.000.000.000        | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN ĐỨC | Số 15 phố Cù Chính Lan, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 19.600.000 | 196.000.000.000       | 70,000    | 011258757                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                        | Tổng số           | 19.600.000 | 196.000.000.000       | 70,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN BÁ KHÔI | Số 49 phố Hàm Long, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông | 2.800.000  | 28.000.000.000        | 10,000    | 001049000068                                                                                |         |
|     |                |                                                                                        | Tổng số           | 2.800.000  | 28.000.000.000        | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                                 |                   |           |                |        |              |  |
|---|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------|----------------|--------|--------------|--|
| 4 | PHẠM HOÀI GIANG | Số 108D5 Dịch Vọng, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 2.800.000 | 28.000.000.000 | 10,000 | 019053000017 |  |
|   |                 |                                                                                 | Tổng số           | 2.800.000 | 28.000.000.000 | 10,000 |              |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM HOÀI GIANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/03/1953

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 019053000017

Ngày cấp: 29/10/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 108D5 Dịch Vọng, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 108D5 Dịch Vọng, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội